

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề cương chi tiết Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2021-2025

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 01/01/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình công tác năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Thông báo số 109/TB-UBND ngày 16/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về kết luận phiên họp thường kỳ UBND tỉnh tháng 4 năm 2021;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo kết quả thẩm định số 2297/SKHĐT-KTNN ngày 15/4/2021 và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1698/SNN&PTNT-PTNT ngày 29/4/2021 về việc phê duyệt Đề cương chi tiết Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2021-2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương chi tiết Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2021-2025 (Có Đề cương chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cơ quan chủ trì lập đề án) căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này chỉ đạo Chi cục Phát triển nông thôn Thanh Hóa khẩn trương phối hợp với các đơn vị liên quan lập, trình

duyet đề án, dự toán kinh phí lập đề án đảm bảo chất lượng và thời gian theo quy định.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định dự toán kinh phí lập đề án và tham mưu bố trí kinh phí, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Các sở, ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quá trình xây dựng đề án đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Ban Dân tộc, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, Văn phòng thường trực Chỉ huy Phòng, chống thiên tai; Chủ tịch UBND các huyện miền núi và Thủ trưởng các đơn vị liên quan, có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Hội Chữ thập đỏ tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Phần I

SỰ CẦN THIẾT, CĂN CỨ VÀ PHẠM VI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Thanh Hóa là tỉnh địa đầu của vùng Bắc Trung Bộ, có tổng dân số trên 3,6 triệu người được phân bố không đồng đều trên tổng diện tích tự nhiên 11.138km² đã gây không ít khó khăn trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của toàn tỉnh, nhất là khu vực 11 huyện miền núi. Trong những năm qua, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, quyết liệt và sâu sát của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, cùng với sự nỗ lực, cố gắng của các cấp, các ngành, đoàn thể, đơn vị liên quan và nhân dân trong tỉnh, công tác sắp xếp, bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai đã được triển khai thực hiện cơ bản đáp ứng mục tiêu đặt ra, có nhiều chuyển biến tích cực.

Tuy nhiên, trước tình hình biến đổi khí hậu, thiên tai diễn biến rất bất thường, khắc nghiệt và ngày càng phức tạp, đã gây nhiều tổn thất về người và tài sản của nhân dân, trong khi trên địa bàn các huyện miền núi của tỉnh vẫn còn khoảng trên 4 nghìn hộ dân đang sinh sống tại các khu vực có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất cần phải được bố trí ổn định. Vì vậy, việc lập “*Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2021-2025*” là rất cần thiết nhằm giảm thiểu những thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần giảm nghèo bền vững, đảm bảo công tác quản lý, giữ vững an ninh quốc phòng và xây dựng nông thôn mới.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ pháp lý.

- Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013.

- Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020.

- Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 28/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng

chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư.

- Thông tư số 03/2014/TT-BNNPTNT ngày 25/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020.

- Quyết định số 4801/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án Quy hoạch tổng thể bố trí ổn định dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

- Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 01/01/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình công tác năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Thông báo số 109/TB-UBND ngày 16/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về kết luận phiên họp thường kỳ UBND tỉnh tháng 4 năm 2021.

2. Tình hình thực tế.

- Trong những năm gần đây trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã xảy ra và chịu ảnh hưởng của nhiều trận thiên tai làm ảnh hưởng đến tính mạng và tài sản của nhân dân, đặc biệt là trận mưa từ ngày 28-31/8/2018 và cơn bão số 3 năm 2019 đã gây ra lũ quét, sạt lở đất nghiêm trọng trên địa bàn các huyện miền núi Quan Sơn, Quan Hóa, Mường Lát,...

- Việc xây dựng Đề án để chủ động sắp xếp, ổn định cho các hộ dân theo kế hoạch sẽ giảm thiểu được những thiệt hại do thiên tai gây ra và tập trung được các nguồn lực, nâng cao hiệu quả đầu tư.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ ÁN

1. Đối tượng.

- Hộ dân sinh sống tại các khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất.

- Cộng đồng dân cư tiếp nhận hộ tái định cư tập trung và xen ghép.

2. Phạm vi: Trên địa bàn các huyện miền núi của tỉnh.

3. Thời gian: Giai đoạn 2021 - 2025.

Phần II

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG SẮP XẾP, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ KHU VỰC CÓ NGUY CƠ CAO XẢY RA LŨ ỐNG, LŨ QUÉT, SẠT LỞ ĐẤT TẠI CÁC HUYỆN MIỀN NÚI CỦA TỈNH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN CỦA TRUNG ƯƠNG VÀ TỈNH ỦY, HĐND, UBND TỈNH

1. Các chủ trương, chính sách của Trung ương.

2. Các chủ trương, chính sách của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh.

II. THỰC TRẠNG SẮP XẾP, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ KHU VỰC CÓ NGUY CƠ CAO XẢY RA LŨ ÔNG, LŨ QUÉT, SẠT LỞ ĐẤT TẠI CÁC HUYỆN MIỀN NÚI CỦA TỈNH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

1. Tổng hợp số hộ dân khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ông, lũ quét, sạt lở đất.

2. Kết quả rà soát số hộ dân vùng có nguy cơ cao xảy ra lũ ông, lũ quét, sạt lở đất trên địa bàn từng huyện.

- 2.1. Huyện Mường Lát.
- 2.2. Huyện Quan Sơn.
- 2.3. Huyện Quan Hóa.
- 2.4. Huyện Bá Thước.
- 2.5. Huyện Lang Chánh.
- 2.6. Huyện Thạch Thành.
- 2.7. Huyện Cẩm Thủy.
- 2.8. Huyện Thường Xuân.
- 2.9. Huyện Như Xuân.
- 2.10. Huyện Như Thanh.
- 2.11. Huyện Ngọc Lặc.

III. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Sắp xếp, ổn định dân cư theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

- 1.1. Kết quả sắp xếp, ổn định các hộ dân.
- 1.2. Kinh phí thực hiện.

2. Sắp xếp, ổn định dân cư khẩn cấp theo chương trình phòng, chống thiên tai.

- 2.1. Kết quả sắp xếp, ổn định các hộ dân.
- 2.2. Kinh phí thực hiện.

IV. HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, yếu kém.

2. Nguyên nhân.

- 2.1. Nguyên nhân khách quan.
- 2.2. Nguyên nhân chủ quan.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Đánh giá chung.

2. Bài học kinh nghiệm.

3. Một số dự báo.

Phần III

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ SẮP XẾP, ỔN ĐỊNH DÂN CƯ KHU VỰC CÓ NGUY CƠ CAO XẢY RA LŨ ỒNG, LŨ QUÉT, SẠT LỎ ĐẤT TẠI CÁC HUYỆN MIỀN NÚI CỦA TỈNH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH

- 1. Bối cảnh thế giới và khu vực.**
- 2. Bối cảnh trong nước và trong tỉnh.**

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

- 1. Quan điểm.**
- 2. Mục tiêu.**

- 2.1. Mục tiêu tổng quát.
- 2.2. Mục tiêu cụ thể.

III. NHIỆM VỤ, HIỆU QUẢ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ.

- 1.1. Bố trí, ổn định dân cư
 - Số hộ cần bố trí.
 - Các hình thức sắp xếp.
 - + TĐC tập trung...hộ/... huyện/... xã;...số khu TĐC.
 - + TĐC xen ghép...hộ/... huyện/... xã.
 - + Ổn định tại chỗ...hộ/... huyện/... xã.
- 1.2. Định hướng kế hoạch sử dụng đất.
- 1.3. Phát triển sản xuất.
- 1.4. Cơ sở hạ tầng.
- 1.5. Xây dựng bản đồ các điểm bố trí TĐC tập trung.

2. Kinh phí và tiến độ thực hiện Đề án.

- 2.1. Cơ sở tính.
- 2.2. Kinh phí thực hiện.
- 2.3. Nguồn vốn.
- 2.4. Tiến độ thực hiện và phân kỳ đầu tư.

3. Hiệu quả của Đề án.

- 3.1. Hiệu quả về kinh tế.
- 3.2. Hiệu quả về xã hội.
- 3.3. Hiệu quả về an ninh quốc phòng.
- 3.4. Hiệu quả về môi trường.

4. Giải pháp.

- 4.1. Về bố trí các hộ dân di chuyển.
- 4.2. Về đất đai (đất ở, đất sản xuất,...).
- 4.3. Giải pháp về hỗ trợ phát triển sản xuất, ngành nghề, dịch vụ.
- 4.4. Giải pháp về chính sách hỗ trợ, nguồn vốn thực hiện.
- 4.5. Giải pháp về tín dụng và đầu tư.
- 4.6. Giải pháp về tuyên truyền, vận động.
- 4.7. Giải pháp về kỹ thuật, phòng, chống thiên tai.
- 4.8. Giải pháp về quản lý.

Phần IV

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CHUNG

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỤ THỂ

1. Đề xuất, kiến nghị với Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương.
2. Đề xuất, kiến nghị với UBND tỉnh.

Phần V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2. Sở Kế hoạch và Đầu tư.
3. Sở Tài chính.
4. Sở Tài nguyên và Môi trường.
5. Sở Xây dựng.
6. Sở Giao thông Vận tải.
7. Ban Dân tộc.
8. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng, Công an tỉnh.
9. Văn phòng thường trực Chỉ huy Phòng, chống thiên tai.
10. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh, Hội Chữ thập đỏ tỉnh.

11. Các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh liên quan.

II. ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện.
2. Ủy ban nhân dân cấp xã./.